

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày

tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung
xã Mường Bú, tỉnh Sơn La đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định về định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch lập quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2025 - 2030;

Theo đề nghị của UBND xã Mường Bú tại Tờ trình số 2661/TTr-UBND ngày 31/12/2025; Báo cáo thẩm định số 1369/BC-SXD ngày 25/12/2025; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Báo cáo số 34/BC-VPUB ngày 15/01/2026 của Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xã Mường Bú, tỉnh Sơn La đến năm 2045 với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

1.1. Quy mô lập quy hoạch

Lập quy hoạch trên toàn bộ địa giới hành chính xã sau sáp nhập với tổng diện tích tự nhiên là 213,65 km² (*trong đó: phần quy hoạch định hướng phát triển đô thị có quy mô 3km², phần định hướng phát triển ngoài đô thị 210,65km²*), với quy mô dân số dự báo đến 2045 khoảng 43.000 người (*trong đó: phần quy hoạch định hướng phát triển đô thị có quy mô 15.000 người, phần định hướng phát triển ngoài đô thị 28.000 người*). Phần định hướng phát triển đô thị gồm 10 bản, tiểu khu: Tiểu khu 1, tiểu khu 2, bản Văn Minh, bản Giàn, bản Búng Diên, bản Hua Bó, bản Mường Bú, bản Nang Phai, bản Phiêng Búng và bản Ta Mo.

1.2. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch: Xã Mường Bú có vị trí ranh giới như sau:

- + Phía Bắc giáp xã Mường La;
- + Phía Nam giáp Phường Chiềng Sinh, xã Chiềng Mung, xã Chiềng Sung;
- + Phía Đông giáp xã Chiềng Hoa;
- + Phía Tây giáp phường Chiềng An, xã Mường Khiêng.

1.3. Thời hạn lập quy hoạch: Thời hạn quy hoạch 20 năm và phân kỳ quy hoạch 5 năm và 15 năm (*thời hạn lập quy hoạch cho giai đoạn ngắn hạn 5 năm, thời hạn lập quy hoạch cho giai đoạn dài hạn của quy hoạch là 15 năm*)

2. Mục tiêu quy hoạch

- Phù hợp với quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023.

- Làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn xã, làm cơ sở để hướng dẫn quản lý trong việc lập các dự án quy hoạch, chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển, quản lý và phát triển các khu dân cư nông thôn, các khu vực phát triển nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch,... và hệ thống các công trình chuyên ngành.

- Gắn kết chặt chẽ với Chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn và gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Làm cơ sở để lập quy hoạch chi tiết các khu vực và lập dự án đầu tư hạ tầng xã.

3. Tính chất, vai trò, chức năng khu vực lập quy hoạch

3.1. Tính chất: Phát triển xã Mường Bú thành xã có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý phát

triển nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp hữu cơ gắn với chế biến, phát triển cụm công nghiệp, phát triển đô thị, nông thôn theo hướng dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững...

3.2. Vai trò

- Làm cơ sở cho phát triển kinh tế bền vững, định hướng sử dụng đất đai hợp lý, tiết kiệm.

- Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, bảo tồn phát huy văn hoá truyền thống.

- Tạo điều kiện thu hút đầu tư và huy động các nguồn vốn đầu tư vào địa bàn, góp phần giảm chênh lệch giữa đô thị và nông thôn.

3.3. Chức năng: Quy hoạch chung xây dựng xã gồm các chức năng:

- Khu dân cư đô thị, nông thôn;
- Khu trung tâm, khu vực dịch vụ - phát triển kinh tế;
- Khu dịch vụ du lịch, Cụm công nghiệp;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Khu dành cho sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và các mục đích khác.

4. Sơ bộ dự báo phát triển

4.1. Dự báo quy mô dân số:

- Dự báo dân số của xã đến năm 2045 khoảng 43.000 người.
- Dự báo lao động trên địa bàn xã đến năm 2045 khoảng 20.800 người.

4.2. Dự báo đất đai: Dự báo đến năm 2045 diện tích đất nông nghiệp và đất khác sẽ giảm do chuyển sang đất xây dựng (*đất ở, đất công cộng, đất trụ sở, đất xây dựng hạ tầng, đất khai thác khoáng sản, xây dựng cụm công nghiệp, nhà máy thủy điện, ...*).

- Diện tích đất xây dựng toàn xã hiện có khoảng 960 ha.
- Dự báo đến năm 2030 diện tích đất xây dựng khoảng 1.100 ha.
- Dự báo đến năm 2045 diện tích đất xây dựng khoảng 1.500 ha.

4.3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật: Thực hiện theo QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng và các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan (*Trường hợp trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng và các quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan được cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định chuyển tiếp được quy định hoặc rà soát, thực hiện theo quy chuẩn, tiêu chuẩn mới được ban hành*).

5. Các yêu cầu cần nghiên cứu đối với nội dung quy hoạch

5.1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội

- Điều kiện tự nhiên như đặc điểm địa lý, địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản.
- Dân số (số hộ dân, cơ cấu dân số, cơ cấu lao động, đặc điểm phát triển), đặc điểm về văn hóa và phân bố dân cư.
- Phát triển kinh tế trong các lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp; đánh giá thế mạnh, tiềm năng và các hạn chế trong phát triển kinh tế.
- Đánh giá những tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu ngập, úng, lũ ống, lũ quét có thể xảy ra trên địa bàn; các giải pháp quy hoạch để ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu.
- Hiện trạng sử dụng đất và biến động từng loại đất (lưu ý các vấn đề về sử dụng và khai thác đất nông nghiệp; những vấn đề tồn tại trong việc sử dụng đất đai).
- Hiện trạng về nhà ở, công trình công cộng, đất cây xanh công cộng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, môi trường, các công trình tôn giáo, tín ngưỡng.
- Rà soát, đánh giá các công trình di tích, danh lam, thắng cảnh du lịch; khu vực thuận lợi, ít thuận lợi, không thuận lợi cho phát triển của xã.
- Đánh giá tổng thể hiện trạng các nghĩa trang trên địa bàn xã bao gồm: Nghĩa trang các bản, nghĩa trang xã; đánh giá tỷ lệ lấp đầy, khả năng đáp ứng trong giai đoạn tới và các tác động về cự ly khoảng cách, cảnh quan, vệ sinh môi trường của các nghĩa trang hiện có...; đề xuất giải pháp quy hoạch đối với các nghĩa trang trên địa bàn xã gồm: quy hoạch mới, quy hoạch mở rộng hoặc đóng cửa một số nghĩa trang nhỏ lẻ tại các bản không đảm bảo vệ sinh, cảnh quan môi trường.
- Xác định và đánh giá các yếu tố tác động của vùng xung quanh ảnh hưởng đến phát triển không gian trên địa bàn xã.
- Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch nông thôn mới của xã; làm rõ kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, các nội dung chưa phù hợp, nguyên nhân chủ quan, khách quan của tồn tại, hạn chế, chưa phù hợp của đồ án quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt.

5.2. Xác định động lực và tiềm năng phát triển của xã

- Điều kiện tự nhiên và tài nguyên: Các điều kiện về đất đai, khí hậu, nguồn nước, cảnh quan môi trường, ... để định hướng phát triển nông nghiệp chuyên canh, du lịch sinh thái, phát triển kinh tế nông lâm kết hợp, ...
- Vị trí địa lý và kết nối vùng: Xác định tiềm năng về hệ thống giao thông, tiếp giáp các khu đô thị, khu công nghiệp, chợ đầu mối, ... làm cơ sở xác định phát triển cụm công nghiệp nông thôn, dịch vụ hậu cần nông nghiệp, logistics nông sản, ...
- Lực lượng lao động và nguồn nhân lực: Các tiềm năng về lao động và nguồn lao động, khả năng chuyển đổi ngành nghề tạo điều kiện cho phát triển làng nghề, hợp tác xã nông nghiệp, ...

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ xã hội: Tiềm năng về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội làm cơ sở thu hút đầu tư, phục vụ sản xuất và cải thiện chất lượng cuộc sống, ...

- Văn hóa – xã hội và cộng đồng: Tiềm năng về bản sắc văn hóa dân tộc, lễ hội, sự đoàn kết của các dân tộc làm cơ sở phát triển du lịch cộng đồng, bảo tồn văn hóa các dân tộc.

- Chính sách và hỗ trợ từ nhà nước: Xác định xã có nằm trong các vùng quy hoạch trọng điểm để được ưu tiên đầu tư từ ngân sách và các chương trình mục tiêu.

5.3. Dự báo phát triển kinh tế

- Dự báo phát triển kinh tế của xã về nông nghiệp; Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; Thương mại, dịch vụ, du lịch;

- Dự báo quy mô dân số, lao động, số hộ cho giai đoạn quy hoạch 20 năm;

- Dự báo nhu cầu sử dụng đất cho các loại đất nông nghiệp, đất xây dựng;

- Dự báo các vấn đề về môi trường trong thời kỳ quy hoạch;

- Dự báo các rủi ro biến động và thảm họa thiên nhiên.

5.4. Định hướng phát triển không gian

Xác định cấu trúc, định hướng phát triển không gian tổng thể các khu vực đô thị hóa, khu dân cư nông thôn, khu vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, thương mại, dịch vụ (*nếu có*), khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn của xã, các khu vực cần bảo tồn và hệ thống trung tâm cấp xã trên cơ sở phù hợp với thực trạng, đặc điểm của địa phương, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội, khu trung tâm xã.

5.5. Định hướng sử dụng đất quy hoạch

Quy hoạch các loại đất trên địa bàn xã cập nhật phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Xác định diện tích đất cho nhu cầu phát triển theo các giai đoạn 5 năm, 15 năm và các thông số kỹ thuật chính cho từng loại đất, cụ thể: đất nông nghiệp, đất xây dựng và các loại đất khác.

5.6. Yêu cầu quản lý, định hướng kiến trúc cảnh quan, quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn

Xác định yêu cầu quản lý, định hướng kiến trúc cảnh quan theo các khu vực; xây dựng quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn tích hợp theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

5.7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a. Chuẩn bị kỹ thuật

- Đề xuất các giải pháp cao độ nền và thoát nước mặt hợp lý; đảm bảo an toàn về phòng, chống ngập, lụt, các hiểm họa thiên tai...nhằm ứng phó với biến

đổi khí hậu.

- Khoanh vùng các khu vực cấm hoặc hạn chế xây dựng do cấu tạo về địa chất, địa hình, thiên tai hoặc liên quan đến các di tích lịch sử, văn hóa, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

b. Định hướng phát triển mạng lưới giao thông

- Định hướng phân bố không gian phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và hạ tầng logistics; xác định quy mô, mạng lưới đường, luồng, tuyến của hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và hạ tầng logistics.

- Định hướng kết nối giữa các phương thức vận tải, giữa hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trong và ngoài tỉnh; kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải với hệ thống đô thị và các khu vực nông thôn, hệ thống cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi và các hệ thống kết cấu hạ tầng khác.

- Định hướng phân bổ, bố trí sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và hạ tầng logistics.

- Cập nhật và xây dựng danh mục các dự án quan trọng các cấp (*theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành*) theo thứ tự ưu tiên.

- Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng logistics.

c. Định hướng phát triển mạng lưới cấp điện, cung cấp năng lượng

- Xác định nhu cầu điện của xã.

- Xây dựng phương án phát triển mạng lưới điện: Nguồn điện, lưới điện, phương án liên kết lưới điện giữa vùng với các khu vực trong tỉnh và với các tỉnh lân cận.

- Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển các công trình năng lượng, điện lực.

- Cập nhật và xây dựng danh mục các dự án quan trọng các cấp (*theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành*) theo thứ tự ưu tiên.

- Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng cung cấp năng lượng, điện.

d. Định hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

Định hướng phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, thị trường viễn thông, công nghệ và dịch vụ viễn thông; Phương án phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, phát thanh truyền hình; phương án phát triển mạng bưu chính công cộng; phương án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin; phương án phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh; các chỉ tiêu phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ quy hoạch.

- Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông trong vùng quy hoạch và các công trình có liên quan đến phát triển

hạ tầng thông tin và truyền thông.

- Cập nhật và xây dựng danh mục các dự án quan trọng các cấp (*theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành*) theo thứ tự ưu tiên.

- Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông.

e. Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng cấp, thoát nước

- Xác định mối quan hệ vùng về cấp nước; xác định chỉ tiêu cấp nước, nhu cầu dùng nước phù hợp cho các đối tượng dùng nước khu vực đô thị, nông thôn, CCN...; phân tích và lựa chọn nguồn cấp nước, phân vùng, khu vực cấp nước; xác định vị trí, quy mô, công suất các nhà máy nước...

- Xác định mối quan hệ vùng về thoát nước, hệ thống tiêu thoát nước các lưu vực sông, suối, các khu vực trong vùng; vị trí, quy mô công suất các trạm, nhà máy xử lý nước thải (*nếu có*) và xác định nhu cầu sử dụng đất cho các công trình thoát nước...

- Xây dựng phương án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng cấp, thoát nước và xử lý nước thải đảm bảo sự liên kết giữa hệ thống kết cấu hạ tầng cấp, thoát nước và xử lý nước thải với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực có liên quan trong vùng để đảm bảo tính bền vững và hiệu quả của công trình; xây dựng mới, tôn tạo giữ gìn nguồn nước, tích trữ, cân đối, điều hòa, phân phối nguồn nước.

- Định hướng nhu cầu sử dụng đất phục vụ xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình cấp, thoát nước và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn sinh thái có liên quan đến phát triển kết cấu hạ tầng cấp, thoát nước và xử lý nước thải.

- Cập nhật và xây dựng danh mục các dự án quan trọng các cấp (*theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành*) theo thứ tự ưu tiên.

- Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng cấp, thoát nước và xử lý nước thải.

f. Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi

- Xác định, cảnh báo những vùng có nguy cơ ảnh hưởng do thiên tai sạt lở đất, lũ ống, lũ quét do biến đổi khí hậu gây ra.

- Xác định, phân vùng thủy lợi phù hợp với nguyên tắc quản lý nguồn nước theo lưu vực sông, suối.

- Rà soát, cập nhật, bổ sung phương án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi và đảm bảo sự liên kết giữa hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực có liên quan trong vùng đảm bảo tính bền vững và hiệu quả của các công trình.

- Định hướng nhu cầu sử dụng đất phục vụ xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn sinh thái có liên quan

đến phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi.

- Cập nhật và xây dựng danh mục các dự án quan trọng các cấp (*theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành*) theo thứ tự ưu tiên.

- Rà soát, cập nhật, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi.

g. Định hướng phát triển các khu xử lý chất thải

- Phương án phát triển mạng lưới thu gom, xử lý và quản lý chất thải rắn đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Dự báo các nguồn phát thải, thành phần, tính chất và tổng khối lượng các loại chất thải rắn đến năm 2045.

- Đề xuất phương thức lưu giữ, phân loại chất thải rắn tại nguồn; phương án tái chế, tái sử dụng chất thải rắn phát sinh từ sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, y tế, xây dựng và các ngành dịch vụ.

- Xác định và phân vùng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trong vùng; xác định phương thức thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

- Xây dựng phương án phát triển cơ sở hạ tầng thu gom, xử lý và quản lý chất thải rắn.

- Định hướng bố trí sử dụng đất cho các hoạt động thu gom, xử lý và quản lý chất thải rắn và các công trình có liên quan đến phát triển hạ tầng thu gom, xử lý và quản lý chất thải rắn.

- Cập nhật và xây dựng danh mục các dự án quan trọng các cấp (*theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành*) theo thứ tự ưu tiên.

- Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp quản lý chất thải rắn theo phương án xử lý chất thải rắn.

h. Định hướng phát triển các nghĩa trang, nghĩa địa

- Phương án phát triển nghĩa trang, nghĩa địa đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Dự báo nhu cầu sử dụng đất nghĩa trang đến năm 2045.

- Đề xuất phương án quy hoạch nghĩa trang, trên cơ sở các nghĩa trang hiện có để quy hoạch mới, quy hoạch mở rộng, chỉnh trang hoặc đóng cửa.

- Cập nhật và xây dựng danh mục các dự án quan trọng các cấp (*theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành*) theo thứ tự ưu tiên.

- Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp quản lý nghĩa trang.

i. Định hướng phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất

Dự báo nhu cầu, định hướng phát triển, bố trí quỹ đất hạ tầng phục vụ sản xuất trên địa bàn xã đảm bảo phù hợp với quy hoạch cấp độ cao hơn, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các quy định pháp luật khác liên quan. Xác định

khối lượng đầu tư, danh mục ưu tiên đầu tư, khái toán kinh phí

k. Định hướng phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy

- Định hướng phát triển trực giao thông, tuyên truyền dẫn cấp nước, tuyên truyền tin viễn thông phục vụ phòng cháy, chữa cháy và mạng lưới trụ sở đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

5.8. Định hướng phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên

- Phân vùng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên trong vùng.
- Khoanh định chi tiết khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản cần đầu tư thăm dò, khai thác và tiến độ thăm dò, khai thác;
- Xây dựng danh mục dự án quan trọng theo thứ tự ưu tiên.

5.9. Luận cứ và xác định chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

Xác định rõ các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã và kế hoạch thực hiện cụ thể theo từng năm, từng giai đoạn. Dự kiến nhu cầu vốn và các nguồn lực thực hiện (*làm rõ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách, nguồn vốn khác...*).

5.10. Đề xuất giải pháp thực hiện quy hoạch: để đảm bảo việc thực hiện quy hoạch hiệu quả.

5.11. Đề xuất các giải pháp về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Quy hoạch chung cần phải thực hiện đồng bộ với đánh giá môi trường. Thiết lập các khu vực bảo vệ, phục hồi môi trường do tác động của hoạt động đầu tư xây dựng công trình; yêu cầu về quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm trong quá trình đầu tư xây dựng theo quy hoạch. Nghiên cứu tích hợp với kịch bản ứng phó biến đổi khí hậu, đưa ra các giải pháp môi trường, các khuyến cáo sử dụng đất, cơ chế chính sách, nguồn lực, nhằm giảm thiểu các thiệt hại trong trường hợp thiên tai hoặc biến đổi môi trường lớn xảy ra.

6. Các yêu cầu về Hồ sơ, sản phẩm quy hoạch

- Thành phần hồ sơ, quy cách và định dạng của hồ sơ: Thực hiện theo Điều 2, Điều 12, Phụ lục I và II Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch đô thị và nông thôn (*được sửa đổi tại khoản 1, khoản 2 và khoản 7 Điều 1 Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025*).

- Số lượng hồ sơ quy hoạch: 07 bộ.

7. Các yêu cầu, nguyên tắc về lấy ý kiến

7.1. Yêu cầu về nội dung: Lấy ý kiến về nội dung đồ án Quy hoạch chung xã Mường Bú đến năm 2045; đối với những nội dung thuộc bí mật nhà nước trong đồ án quy hoạch (*nếu có*) phải bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

7.2. Về đối tượng, hình thức, thời gian lấy ý kiến: Thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024.

(Có Thuyết minh nhiệm vụ Quy hoạch chung kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND xã Mường Bú (cơ quan tổ chức lập quy hoạch):

- Tổ chức lập Đồ án Quy hoạch chung xã Mường Bú, tỉnh Sơn La đến năm 2045 đảm bảo tiến độ, chất lượng và các quy định hiện hành. Chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng, nội dung, số liệu trình phê duyệt.

- Về dự toán kinh phí lập quy hoạch: Trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng, UBND xã Mường Bú có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành; không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực, đơn thư, kiến nghị trong quá trình thực hiện.

2. Sở Xây dựng thẩm định nội dung Quy hoạch chung xã Mường Bú, tỉnh Sơn La đến năm 2045 theo các quy định hiện hành; Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh về nội dung, số liệu thẩm định.

3. Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí nguồn vốn để phục vụ công tác lập Đồ án quy hoạch.

4. Các Sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực ngành phụ trách có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ UBND xã Mường Bú trong việc cung cấp thông tin, số liệu, nội dung phục vụ công tác lập Đồ án quy hoạch.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND xã Mường Bú; Thủ trưởng các ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cơ quan UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐVP; THKT);
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, THKT, Giang26b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Tiến